

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2023.

NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG VINAINCON THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Ngày 17/06/2020,
Căn cứ Điều lệ Tổ chức Công ty cổ phần tư vấn Thiết kế và xây dựng Vianaincon,
Nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon bao gồm các nội dung sau:

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này; b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu; d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành; Phó Tổng giám đốc điều hành; Kế toán trưởng (Trưởng phòng Tài chính kế toán); Giám đốc, Phó Giám đốc các Chi nhánh thành	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 Điều lệ này; b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; d. "Người quản lý doanh nghiệp" là Tổng giám đốc điều hành; Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng Tài chính kế toán); Giám đốc Chi nhánh, công ty	Luật Doanh nghiệp 2020 Điều 24, Luật Doanh nghiệp 2020	- Sửa đổi trích dẫn Điều khoản Điều lệ (do không chính xác). - Sửa đổi trích dẫn luật áp dụng từ Luật doanh nghiệp 2014 sang Luật Doanh nghiệp 2020, Bổ sung, làm rõ một số thuật ngữ.

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	viên và các vị trí quản lý tương đương khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn đ. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	thành viên và các vị trí quản lý tương đương khác trong Công ty. e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp dưới đây: (1) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ; (2) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con; (3) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty; (4) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên; (5) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; (6) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại điểm 1,2,3 của Khoản này;	Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020	Sửa đổi, bổ sung trích dẫn luật DN 2020

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	e.”Thời hạn hoạt động” g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; h. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.	(7) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại điểm (1,2,3,4,5,6) nêu trên có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty. f. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần; g. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần; h. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; i. “Thời hạn hoạt động” j. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; k. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.	Khoản 3,4,22 Điều 4 Luật DN 2020 Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán 2019 Khoản 1 Điều 168 Luật DN	Bổ sung, làm rõ một số thuật ngữ.
3	Điều 3. Mọi quan hệ giữa Công ty với Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng VINAINCON là Công ty liên kết của Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.	Điều 3. Mọi quan hệ giữa Công ty với Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng VINAINCON là Công ty liên kết của Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).		Quy định cách gọi tắt Tổng công ty
4	Điều 4. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động. 1. Tên công ty - Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng VINAINCON -Tên tiếng Anh:	Điều 4. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động. 1. Tên công ty - Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng VINAINCON		Bổ sung thông tin

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng VINAINCON - Tên viết tắt: 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Điện thoại: Fax: E-mail: Website: 4.....	-Tên tiếng Anh: VINAINCON Engineering and Construction Joint Stock Company - Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng VINAINCON - Tên viết tắt: VINAINCON E&C 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Điện thoại: 0243.5142418 Fax: 0243.5413095 E-mail: vnec@vinaincon-ec.vn Website:http://www.vinaincon-ec.vn/ 4....		Bổ sung “công ty thành viên”
5	Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Tư vấn đầu tư, thiết kế, thi công xây lắp các công trình: công nghiệp, dân dụng, giao thông, đường dây và trạm điện và các lĩnh vực khác theo Điều 6 Điều lệ này.	Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Tư vấn đầu tư, thiết kế, mua sắm và thi công xây dựng các công trình: công nghiệp, dân dụng, giao thông, đường dây và trạm điện và các lĩnh vực khác theo Điều 6 Điều lệ này.		Bổ sung lĩnh vực kinh doanh
6	Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 3. Công ty hoạt động kinh doanh các ngành, nghề như sau:	Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 3. Công ty hoạt động kinh doanh các ngành, nghề theo Phụ lục 01 và các sửa đổi nếu có.		Chuyển nội dung ngành nghề sang PL 01
7	Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. 2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. 3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 13 Điều lệ này.	Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập, Sổ đăng ký cổ đông 1. 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. 3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ này.		- Sửa đổi, bổ sung trích dẫn Điều khoản Điều lệ (do không chính xác).

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	4.....	4..... 8. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông của Công ty. a. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần. b. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông. c. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.	Khoản 1,2,3,4,5 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020	Bổ sung quy định về Sổ đăng ký cổ đông và các chế định liên quan.

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
		d. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ.		
8	Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn 30 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. 4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với	Điều 8. Cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành cho cổ đông hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty. Chứng chỉ cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. 3. Cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 4. Trong thời hạn 1 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc sau khi thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, thông tin người sở hữu số cổ phần được sửa đổi vào Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu. 5. Trường hợp (nếu có) cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và chịu	Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 113, 127 Luật Doanh nghiệp 2020.	

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	chi phí liên quan cho Công ty (nếu có). Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới		
9	Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Trường hợp cổ phiếu được niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật có quy định khác. Trường hợp cổ phiếu được niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật.		Bổ sung thêm nội dung. Bổ sung thêm nội dung.
10	Điều 11. Thu hồi cổ phần 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu , Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. 2..... 3....	Điều 11. Thu hồi cổ phần 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần , Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. 2..... 3....	Điều 113, Luật doanh nghiệp 2020	

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp . Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Luật doanh nghiệp 2020	
11	Điều 14. Quyền của cổ đông 1..... 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (5% đối với các điểm c,d) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 34 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy	Điều 14. Quyền của cổ đông 1..... 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Việc uỷ quyền phải phù hợp quy định tại Điều 18 Điều này; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Điều 132 Luật Doanh nghiệp; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 115 trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;	Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020	- Bổ sung nội dung; - Bổ sung nội dung; - Bổ sung nội dung; - Sửa đổi, bổ sung trích dẫn Điều khoản Điều lệ (do trích dẫn không chính xác)).

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại đại hội đồng cổ đông; d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; 	b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty; c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d, Các quyền khác được quy định tại khoản 1,2 Điều 14 Điều lệ này. 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 35 Điều lệ này;	Luật Doanh Nghiệp 2020	- Sửa đổi trích dẫn luật áp dụng từ Luật doanh nghiệp 2014 sang Luật Doanh nghiệp 2020,

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
		b. Các quyền khác được quy định tại Khoản 1,2 Điều 14 Điều lệ này.		
12	Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1..... 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. 4. Cung cấp thông tin cá nhân, địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: 	Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1..... 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. 3. Cung cấp thông tin cá nhân, địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. 4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: 5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. 6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán	Khoản 2,5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020	Chỉnh sửa gộp khoản 1 và khoản 2, bỏ khoản 5 Điều lệ cũ, Bổ sung thêm khoản 5, 6, 7 Điều 15 của Điều lệ

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
		hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.		
13	Điều 16. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan Đăng ký kinh doanh, Ủy ban chứng khoán nhà nước có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua Báo cáo tài chính năm và dự toán năm kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua Báo cáo tài chính năm.	Điều 16. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông được tổ chức thường niên mỗi năm một (01) lần, ngoài ra có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lựa chọn địa điểm phù hợp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua Báo cáo tài chính năm và Kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua Báo cáo tài chính năm.	Khoản 1, 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020	Hội đồng có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông mà không cần phải đề nghị để Cơ quan ĐKKD quyết định như Luật Doanh nghiệp 2014.
	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty.	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty.	Điểm b, Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020	

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan; e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; 	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan; e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; 	Luật Doanh nghiệp 2020	Sửa đổi trích dẫn Điều lệ (do trích dẫn không chính xác) - Sửa đổi trích dẫn luật áp dụng từ Luật doanh nghiệp 2014 sang Luật Doanh nghiệp 2020,
	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 15 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 15; b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 15 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp a, b, c hoặc nhận được yêu cầu trong trường hợp d,e Khoản 3 Điều này; b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;	Luật Doanh nghiệp 2020	- Sửa đổi trích dẫn Điều lệ (do trích dẫn không chính xác). - Sửa đổi trích dẫn luật áp dụng từ Luật doanh nghiệp 2014 sang Luật Doanh nghiệp 2020,

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 15 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông (chi phí ăn ở và đi lại)		- Sửa đổi trích dẫn Điều lệ (do trích dẫn không chính xác). - Sửa đổi trích dẫn luật áp dụng từ Luật doanh nghiệp 2014 sang Luật Doanh nghiệp 2020
14	Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;	Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua: d. Định hướng phát triển và Kế hoạch kinh doanh của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	Điểm k Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020	- Sửa đổi trích dẫn luật áp dụng từ Luật doanh nghiệp 2014 sang Luật Doanh nghiệp 2020,

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	 e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh mua có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán. n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành. o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.	 c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; m. Quyết định giao dịch vay, cho vay, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông/hoặc người có liên quan của cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên. n. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch mua bán tài sản có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; Công ty mua lại hơn 10% mỗi loại cổ phần đã phát hành; hoặc mua lại cổ phần đã phát hành trên 12 tháng; nhưng không vượt quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán; (trừ trường hợp mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo Điều 132 Luật doanh nghiệp). o. Trường hợp Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những “Người có liên quan” sau: - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;		Bổ sung thêm - Sửa đổi trích dẫn luật áp dụng từ Khoản 2 Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014 sang Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020,

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	p. Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 16 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; 	- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai về các lợi ích của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp. thì Đại hội đồng cổ đông quyết định các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam.. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch cho Hội đồng quản trị để trình trong cuộc họp Đại hội cổ đông. p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty. 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Mục 0 Khoản 2 Điều này là “Người có liên quan” lợi ích đến các bên trong Hợp đồng; 		
15	Điều 18. Các đại diện được ủy quyền 4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 17, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền	Điều 18. Các đại diện được ủy quyền 4. Các trường hợp thay đổi việc ủy quyền thì thông báo việc thay đổi này phải cụ thể:		

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Trường hợp thay đổi việc uỷ quyền thì thông báo việc thay đổi này phải được gửi tới Công ty trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại bắt đầu. Nếu các thông báo này tới sau thời điểm quy định, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 17, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp ban đầu trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực.		
16	Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 15 Điều lệ này. 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội chậm nhất (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với Pháp luật và các Quy định của Công ty.	Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này. 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020	- Sửa đổi trích dẫn Điều lệ. Thay đổi thời gian lập danh sách cổ đông đủ điều kiện dự họp.
				

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư). Chương trình họp đại hội cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020	- Thay đổi thời gian gửi giấy mời họp. - Bỏ “Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp” trong hồ sơ gửi kèm giấy mời họp. Bổ sung thêm thông tin.
	 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03)	 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc		- Sửa đổi trích dẫn Điều lệ (do trích dẫn không chính xác)

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp phù hợp thẩm quyền của cổ đông, nhóm cổ đông theo Điều lệ.		
	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 16 trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này; c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này. b. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020	- Sửa đổi trích dẫn Điều lệ (do trích dẫn không chính xác). - Sửa đổi điều kiện thực hiện quyền của nhóm cổ đông.
12	Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ	Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020	Thay đổi tỉ lệ đủ điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐ CĐ.

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	được tiến hành khi cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.		
13	Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đều được đăng ký.		
14	Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 22 các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: 	Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 1. Việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được thực hiện bằng việc bầu tại Đại hội hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.		- Sửa đổi trích dẫn Điều lệ (do trích dẫn không chính xác)

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 51% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua địa diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	 2. Nghị quyết về kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thông qua theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên; hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Trường hợp bầu dồn phiếu, người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Phương thức biểu quyết có thể được áp dụng cho việc bãi nhiệm, miễn nhiệm, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; hoặc áp dụng cho trường hợp số ứng viên thấp hơn số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cần bầu. 3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó	Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020	Thay đổi tỉ lệ đủ điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐ CĐ.

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
		trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 4. Ngoài các trường hợp tại Khoản 1,2 Điều này, Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc từ 65% của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản): a. Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc các Chi nhánh có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; f. Tổ chức lại, giải thể Công ty; g. Thay đổi thời gian hoạt động Công ty; 5. Ngoài các nội dung tại Khoản 2,3,4 Điều này, các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên 50% của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.		
15	Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020.	

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	1..... g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty. 5..... g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu. 6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên Website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. 7..... 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	1..... g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 5..... g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, và của người giám sát kiểm phiếu. 6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. 7..... 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.		
16	Điều 25. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội	Điều 25. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Biên bản, Nghị quyết họp, lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; nhưng có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng	Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020	Bổ sung thêm quy định trong trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp ĐHĐCĐ

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		
17	Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3,4 Điều 14 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, nghị quyết		

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định huỷ bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.		
18	Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ	Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết quy định tại Khoản 4 Điều 14. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được	Khoản 5 điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.	

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. 6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.	đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. 6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.		
19	Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 3..... a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ; 	Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 3..... a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc (Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng Tài chính kế toán, Giám đốc các đơn vị		

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng (Trưởng phòng Tài chính kế toán), Giám đốc các xí nghiệp thành viên và các vị trí quản lý tương đương khác trong Công ty, xếp lương và các lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng (Trưởng phòng Tài chính kế toán), người đại diện của Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành; l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty. n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại	thành viên, chi nhánh và các vị trí quản lý tương đương khác trong Công ty) của họ. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với những Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người quản lý đó; i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành; k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.		

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định. o. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông. 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. b.... c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh); i. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị không quá 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; j. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị không quá 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định. n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông. 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. b.... c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh); i. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị không quá 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; j. Trường hợp Công ty mua bán, giao dịch với những “Người có liên quan” quy định tại Điểm o Mục 2 Điều 17 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các hợp đồng có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của doanh	Luật Doanh nghiệp 2020	- Sửa đổi trích dẫn luật áp dụng từ Luật doanh nghiệp 2014 sang Luật Doanh nghiệp 2020,

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	k. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;	nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết. k. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng.		
20	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc do một lý do nào khác không thể làm việc theo quy định của pháp luật, các thành viên còn lại trong vòng 10 ngày phải bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn	Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020	

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
		lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.		
21	Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 1..... 3..... a..... 4. Cuộc họp của HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều 29 phải tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp.....; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp HĐQT. 7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành	Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 1..... 3. a..... d. Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết 4. Cuộc họp của HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều này phải tiến hành trong thời hạn bảy ngày (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp.....; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	Khoản 5 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020	- Sửa đổi trích dẫn Điều lệ (do trích dẫn không chính xác)

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. 8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 9. Biểu quyết a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 29, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Uỷ quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết. Trường hợp này cần được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận mới hợp lệ. c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; 9. Biểu quyết a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;		- Sửa đổi trích dẫn Điều lệ (do trích dẫn không chính xác)

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 29 khi có vấn đề phát sinh trong cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết..... d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. 12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.	Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, cụ thể tại điểm c và điểm j khoản 4 Điều 28 Điều lệ này. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này khi có vấn đề phát sinh trong cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết..... 12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành		Bỏ điểm d, khoản 9 Điều 30 Điều lệ cũ Bỏ khoản 12 Điều 30 Điều lệ cũ

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. 13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. 14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các	viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. 13. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản; hoặc có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.		

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản; hoặc có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.			
		17. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp	Bổ sung quyền của cổ đông về khởi kiện yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
22	Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành; các Phó Tổng giám đốc điều hành; một Kế toán trưởng (Trưởng phòng Tài chính - Kế toán); các Giám đốc, các Phó Giám đốc các xí nghiệp thành viên và các chức danh tương đương khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức	Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có Người quản lý gồm: một (01) Tổng giám đốc điều hành; các Phó Tổng giám đốc; một Kế toán trưởng (hoặc một Trưởng phòng Tài chính - Kế toán); các Giám đốc, các đơn vị thành viên, chi nhánh...) và các chức danh tương đương khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng		

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.	nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.		
23	Điều 32. Cán bộ quản lý 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.	Điều 32. Người quản lý 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định. Đối với các cán bộ quản lý khác được thực hiện theo hệ thống thang bảng lương và quy định khác của Công ty; hoặc do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.		
24	Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành 3..... c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý của Công ty để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;	Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành 3..... c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý của Công ty để Hội đồng quản trị quyết định;		

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; đ. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm; e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty; h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.	d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; g. Chuẩn bị Chiến lược phát triển và Kế hoạch kinh doanh, hàng năm và hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm theo quy định; h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.		Bỏ điểm đ, khoản 3, điều 33 Điều lệ cũ
25	Điều 34. Thư ký Công ty	Điều 34. Thư ký Công ty		

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 	Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 		
26	Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát 2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết quy định tại Khoản 4 Điều 14 có quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.		
27	Điều 36. Ban kiểm soát 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 123 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a.	Điều 36. Ban kiểm soát 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a.	Luật Doanh nghiệp 2020	- Sửa đổi trích dẫn luật áp dụng từ Luật doanh nghiệp 2014 sang Luật Doanh nghiệp 2020,

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
28	Điều 42. Phân phối lợi nhuận 6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	Điều 42. Phân phối lợi nhuận 6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.		Bỏ Luật chứng khoán
29	Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 44 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của pháp luật của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là công ty niêm yết/đăng ký giao dịch) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu	Điều 46. Báo cáo tài chính 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 44 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính theo các quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.		

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty. 5. Các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	4. Các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.		
30	Điều 47. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Điều 47. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật.		
31	Điều 48. Kiểm toán 4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty khi được mời sẽ được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	Điều 48. Kiểm toán 4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty nếu được mời sẽ được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.		
32	Điều 49. Con dấu 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Điều 49. Con dấu 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua số lượng, loại dấu, hình thức và nội dung của con dấu chính thức của Công ty. <i>Con Dấu bao gồm dấu được khắc tại cơ sở sản xuất dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</i>	Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020	
33	Điều 51. Gia hạn thời gian hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết	Điều 51. Thay đổi thời gian hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi cần thay đổi thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc thay đổi thời		

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ	Ghi chú
	về việc gia hạn động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn thay đổi khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua	gian hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được thay đổi khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua		
34	Điều 55. Ngày hiệu lực 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 55. Ngày hiệu lực 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty có hiệu lực từ ngày 21 tháng 4 năm 2023, và thay thế các bản Điều lệ đã có trước đây.		